

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2020/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 26 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

-Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm 1991.

* Chị Nguyễn Thị B - Sinh năm 1989.

Đều HKTT: Thôn PT, xã SM, huyện KĐ, tỉnh HY

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Khắc B, sinh ngày 25/3/2013.

Người đại diện hợp pháp cho cháu B: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/9/2012, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau gần 6 năm nay, không ai quan tâm đến ai cũng như không ai có trách nhiệm gì với ai thể hiện mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh N và chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Khắc B, sinh ngày 25/3/2013. Hiện nay cháu Bảo đang ở cùng với chị B. Anh N và chị B đã thống nhất thỏa thuận: chị B được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bảo đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 05/2020 cho đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi). Anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Xét sự thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của anh N và chị B là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[3]. Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh N và chị B đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ngày 18/5/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc B, sinh ngày 25/3/2013 cho chị Nguyễn Thị B được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020. Anh N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh N và chị B đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn N nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001773 ngày 04/5/2020. Anh N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ

luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Song Mai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngày tháng năm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*⁽⁶⁾

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*⁽⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:
- Về con chung:
- Về tài sản chung:
- Về các vấn đề khác

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà N).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].